

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 45 /2022/HĐDV/TNHTN-HPT

CÔNG VIỆC : LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN : KHÁCH SẠN SOJO VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BUÔN MA THUỘT
ĐỊA ĐIỂM : 15 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG TỰ AN, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNH TÂY NINH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG H.P.T



CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ các quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam hiện hành;
- Các văn bản/tài liệu/hồ sơ đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt liên quan;
- Căn cứ nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Công ty cổ phần Đầu Tư và Quản Lý Khách Sạn TNHH Tây Ninh, chúng tôi gồm:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TNHH TÂY NINH

Địa chỉ : Số 197A đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Mã số thuế : 3901299743
Tài khoản số : 03101016514545 tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), Chi nhánh Đồng Đa
Đại diện : Ông Đặng Nam Sơn
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

2. BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG H.P.T

Địa chỉ : Số 60, phố Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 0243 8533718
Mã số thuế : 0101534294
Tài khoản số : 1501201012979 – Mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Hai Bà Trưng - Chi nhánh Hà Nội
Đại diện : (Ông) Lê Mạnh Thắng
Chức vụ : Giám đốc
(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Hai Bên**" và gọi riêng là "**Bên**" hoặc "**Mỗi Bên**", tùy theo ngữ cảnh.

Hai Bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ này với các điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

PHẦN I. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Dự Án:** Được hiểu là Dự án Khách sạn Sojo và thương mại dịch vụ Buôn Ma Thuật có

địa chỉ tại 15 Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. **Hợp Đồng:** Được hiểu là Hợp đồng dịch vụ này, bao gồm cả các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo được ký kết bởi Bên A và Bên B và tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung khác được Hai Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp đồng, kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của Hợp đồng tại thời điểm ký kết.
3. **Công Việc:** Được hiểu là các công việc mà Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, các Phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và các công việc khác để hoàn thiện các công việc thuộc nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.
4. **Sản Phẩm:** Được hiểu là các sản phẩm từ việc thực hiện Công Việc của Bên B.
5. **Giá trị Hợp Đồng:** Được hiểu là tổng số tiền trọn gói nêu tại Điều 5 Hợp Đồng mà Bên A phải thanh toán cho Bên B khi Bên B hoàn thành các Công Việc theo yêu cầu, quy định tại Hợp Đồng này.
6. **Đại diện Bên A:** Được hiểu là người được Bên A nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên A ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên A thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này.
7. **Đại diện Bên B:** Được hiểu là người được Bên B nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên B ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.
8. **Nhân lực:** Được hiểu là cá nhân chịu sự quản lý về lao động của Bên A và/hoặc của Bên B có đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Công Việc theo quy định của Hợp Đồng này.
9. **Bên Thứ Ba:** Được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng.
10. **Ngày hoặc ngày:** Được hiểu là ngày dương lịch; **Tháng hoặc tháng:** được hiểu là tháng dương lịch.
11. **Ngày Làm Việc:** Được hiểu là bất kỳ ngày nào trừ Thứ bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
12. **Sự Kiện Bất Khả Kháng:** Được hiểu là sự kiện như được liệt kê tại Điều 8 của Hợp Đồng.
13. **Pháp Luật:** Được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
14. **Cơ Quan Có Thẩm Quyền:** được hiểu là một và/hoặc một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận, xác nhận hoặc ban hành các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động Dự Án, có liên quan và/hoặc có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận bất kỳ nội dung nào trong phạm vi Công Việc theo Hợp Đồng: bao gồm nhưng không giới hạn bởi các cơ quan sau: Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư,

Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, ...

PHẦN II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

1.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện Công Việc: Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và thực hiện các thủ tục có liên quan tại Cơ Quan Có Thẩm Quyền để Bên A được cấp giấy phép môi trường tại Dự Án, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Pháp Luật và yêu cầu của Bên A.

Chi tiết phạm vi Công Việc được quy định tại Phụ Lục 01 đính kèm của Hợp Đồng này.

1.2. Yêu cầu chất lượng Công Việc:

Bên B đồng ý và cam kết thực hiện các Công Việc tại Hợp Đồng này theo đúng các hồ sơ, tài liệu (bao gồm các Phụ lục đính kèm Hợp Đồng) đã được Bên A phê duyệt và các yêu cầu khác liên quan đến Hợp Đồng này (nếu có) của Bên A trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật/mỹ thuật và các yêu cầu khác của Pháp Luật và/hoặc các Cơ Quan Có Thẩm Quyền. Nếu vi phạm cam kết này, Bên A có quyền không nghiệm thu Công Việc/Sản Phẩm của Bên B và từ chối thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

2.1. Thời gian hoàn thành Công Việc là 90 Ngày Làm Việc kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực và Bên B đã được Bên A cung cấp đầy đủ tài liệu, hồ sơ cần thiết cho việc lập Hồ sơ theo yêu cầu của Bên B.

Việc gia hạn thời gian hoàn thành chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

2.2. Trong trường hợp Bên A và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền phê duyệt và/hoặc thẩm định có yêu cầu Bên B chỉnh sửa Sản Phẩm, Bên B có nghĩa vụ chỉnh sửa, hoàn thiện Sản Phẩm theo yêu cầu của Bên A và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền phê duyệt và/hoặc thẩm định trong thời hạn không quá 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

2.3. Hai Bên thống nhất rằng tại mỗi lần giao nhận hồ sơ/tài liệu, Hai Bên cùng ký biên bản bàn giao hoặc biên bản làm việc để làm cơ sở thực hiện.

ĐIỀU 3. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO SẢN PHẨM

3.1. Sản Phẩm từ việc thực hiện Công Việc của Hợp Đồng bao gồm:

- 01 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.
- 01 Giấy phép môi trường của Dự án do Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt..

3.2. Nghiệm thu Sản Phẩm

a) Căn cứ nghiệm thu:

- Yêu cầu, đề xuất của Bên B;
- Sản Phẩm của Bên B.

b) Thành phần nghiệm thu:

- Đại Diện Bên A;
- Đại Diện Bên B;
- Đại diện Bên Thứ Ba theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo yêu cầu của Pháp Luật (nếu có).

c) Biên bản nghiệm thu Sản Phẩm

Sau mỗi Công Việc được hoàn thành, Bên B gửi cho Bên A Sản Phẩm đã chỉnh sửa theo ý kiến của Bên A và/hoặc của Cơ Quan Có Thẩm Quyền. Bên A sẽ xem xét, kiểm tra và thông báo cho Bên B về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận Sản Phẩm nêu trên trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị nghiệm thu của Bên B.

Trong trường hợp không chấp thuận nghiệm thu Sản Phẩm của Bên B, Bên A sẽ trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung đối với Sản Phẩm.

Trong trường hợp Sản Phẩm đủ điều kiện để nghiệm thu và đã được Cơ Quan Có Thẩm Quyền phê duyệt, Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản nghiệm thu, bàn giao Sản Phẩm ("**Biên Bản Nghiệm Thu Bàn Giao Sản Phẩm**"). Bên B phải bàn giao toàn bộ Sản Phẩm từ Công Việc của Hợp Đồng này cho Bên A trước hoặc tại thời điểm Hai Bên ký kết Biên Bản Nghiệm Thu Bàn Giao Sản Phẩm.

Sau khi Bên B hoàn thành công việc theo từng giai đoạn hoặc toàn bộ Công Việc theo quy định của Hợp Đồng, các Phụ lục đính kèm của Hợp Đồng này và các công việc khác (nếu có) theo yêu cầu của Hợp Đồng (bao gồm cả việc chỉnh sửa các sai sót (nếu có) đối với Sản Phẩm), Bên A sẽ nghiệm thu, xác nhận bằng văn bản cho Bên B về việc hoàn thành công việc theo giai đoạn hoặc hoàn thành toàn bộ Công Việc theo Hợp Đồng này làm cơ sở thanh toán và quyết toán cho Bên B ("**Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc**").

d) Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót:

(i) Trong trường hợp Sản Phẩm chưa đủ điều kiện để nghiệm thu:

Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành Sản Phẩm trong thời gian theo yêu cầu của Bên A. Bên A sẽ ấn định thời hạn yêu cầu Bên B chỉnh sửa sai sót và thông báo cho Bên B về thời hạn này. Thời gian Bên A ấn định để Bên B chỉnh sửa các sai sót không được hiểu là Bên A gia hạn thời hạn hoàn thành Công Việc của Bên B và cũng không được hiểu là Hai Bên thỏa thuận lại thời hạn hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng. Nếu thời gian chỉnh sửa sai sót dẫn đến việc Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng thì Bên B sẽ bị phạt vi phạm theo quy định của Hợp Đồng.

(ii) Trường hợp không sửa chữa được sai sót, tồn đọng:

Nếu Bên B không chỉnh sửa được các sai sót theo thời hạn đã được Bên A thông báo, Bên A có thể tự tiến hành Công Việc hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Trường hợp này Bên

B phải chịu mọi chi phí liên quan, chi phí này được Bên B thanh toán và/hoặc được khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B theo yêu cầu của Bên A. Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về phần Công Việc chỉnh sửa do Bên A tự thực hiện và/hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 4. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Không áp dụng.

ĐIỀU 5. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

5.1. Giá Trị Hợp Đồng:

Giá Trị Hợp Đồng đã bao gồm 08% thuế giá trị gia tăng (VAT) là: **181.910.000 VND**
(*Bằng chữ: Một trăm tám mươi mốt triệu, chín trăm mười nghìn đồng chẵn*).

- a) Giá Trị Hợp Đồng đã bao gồm các khoản thuế, phí, chi phí thẩm định và các chi phí cần thiết liên quan khác như chi phí chuyên gia; chi phí vật tư vật liệu, máy móc; chi phí quản lý; chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; chi phí cần thiết cho việc thực hiện Công Việc và hoàn chỉnh Sản Phẩm sau các cuộc họp, báo cáo; chi phí đi thực địa; chi phí đi lại tham gia quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên A; chi phí số hóa hồ sơ thanh, quyết toán và các chi phí khác để Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này.

Giá trị Hợp Đồng trên chưa bao gồm các khoản phí, lệ phí thẩm định (nếu có) để thực hiện toàn bộ thủ tục cấp giấy phép môi trường tại Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

- b) Chi tiết về Giá Trị Hợp Đồng được quy định theo Phụ Lục 01 [*Giá trị Hợp Đồng*] đính kèm Hợp Đồng.
- c) Hình thức Hợp Đồng: Trọn gói.

5.2. Tạm ứng:

Không áp dụng.

5.3. Thanh toán giai đoạn:

Không áp dụng.

5.4. Quyết toán:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Hai Bên ký Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc, Bên B phải trình cho Bên A hồ sơ quyết toán Hợp Đồng với các tài liệu được trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận. Chi tiết và số lượng Hồ sơ quyết toán theo quy định tại Phụ Lục Số 03 đính kèm Hợp Đồng.

Bên A sẽ kiểm tra hồ sơ quyết toán cho Bên B sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán như trên. Bên A được quyền yêu cầu Bên B chỉnh sửa hồ sơ quyết toán (nếu cần). Sau khi Bên A yêu cầu Bên B chỉnh sửa mà Bên B chỉnh sửa chưa đạt yêu cầu của Bên A thì Bên A có quyền từ chối việc thanh toán cho đến khi Bên B hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

Trong thời hạn 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc sau khi Hồ sơ quyết toán của Bên B được Bên A chấp thuận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị quyết toán theo quy định tại Phụ Lục 02 sau khi trừ đi các khoản tiền sau (nếu có): tiền đã tạm ứng, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại, và các khoản phải thanh toán hoặc hoàn trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B.

Trường hợp cho rằng Hồ sơ quyết toán nêu tại Điều này của Hợp Đồng chưa đủ và/hoặc còn sai sót (với thời hạn xem xét không quá 15 ngày sau khi Bên B trình nộp hồ sơ), Bên A sẽ gửi cho Bên B văn bản ghi rõ các thiếu sót của Hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán để Bên B kiểm tra, sửa đổi và nộp lại cho Bên A. Trong trường hợp Bên B đã chỉnh sửa hồ sơ phù hợp theo yêu cầu của Bên A mà Bên A không có phản hồi thêm thì hồ sơ của Bên B được xem là hợp lệ và đủ điều kiện thanh toán.

5.5. Đồng tiền và hình thức thanh toán

- a) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).
- b) Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B ghi tại phần đầu Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 6.1. Được quyền sở hữu và sử dụng Sản Phẩm theo Hợp Đồng này. Được sử dụng các thông tin, hồ sơ, tài liệu, Sản Phẩm từ việc thực hiện Công Việc của Bên B để phục vụ cho hoạt động kinh doanh mà không cần phải thông báo và/hoặc chấp thuận và/hoặc đồng ý của Bên B.
- 6.2. Yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung Sản Phẩm của Bên B cho đến khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phê duyệt của Bên A và/hoặc yêu cầu của Cơ Quan Có Thẩm Quyền (nếu có).
- 6.3. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc Bên B thực hiện Hợp Đồng.
- 6.4. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo thoả thuận trong Hợp Đồng này.
- 6.5. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 7.1. Cam kết đáp ứng đủ các điều kiện của Pháp Luật, yêu cầu của Cơ Quan Có Thẩm Quyền, quy định, phê duyệt nội bộ của Bên B để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này theo yêu cầu của Bên A.
- 7.2. Đảm bảo đã thông báo cho Bên A về việc cung cấp những tài liệu cần thiết liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng. Chịu trách nhiệm nếu nội dung có trong hồ sơ giao nộp có sai sót do thiếu thông tin xuất phát từ việc không thông báo đầy đủ về tài liệu cần cung cấp cho Bên A.
- 7.3. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Bên A và Pháp Luật về tất cả các Công Việc tại Hợp Đồng này trong quá trình thực hiện.
- 7.4. Giữ bí mật các thông tin, tài liệu do Bên A cung cấp và/hoặc mọi thông tin tài liệu có

được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này và/hoặc mọi Sản Phẩm là kết quả của việc thực hiện Công Việc của Bên B. Không sử dụng hoặc thông báo cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khác biết, sử dụng thông tin này khi chưa được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản.

- 7.5. Công Việc và Sản Phẩm của Hợp Đồng do Bên B thực hiện phải tuân thủ đúng các quy định Pháp Luật; đảm bảo các số liệu, thông tin trong Sản Phẩm là hoàn toàn chính xác, đầy đủ, đồng bộ, tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp Luật.
- 7.6. Có trách nhiệm bảo vệ, giải trình các nội dung có trong Sản Phẩm và các tài liệu, hồ sơ cần thiết có liên quan đến Sản Phẩm đã giao nộp cho Bên A trước Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền khi được yêu cầu. Hiệu chỉnh, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền và nộp tài liệu cuối cùng cho Cơ Quan Có Thẩm Quyền phê duyệt.
- 7.7. Hoàn thành và bàn giao toàn bộ Sản Phẩm theo đúng tiến độ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 7.8. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra, giám sát, đôn đốc Bên B thực hiện Hợp Đồng. Bên B có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung những sai sót đối với Sản Phẩm theo yêu cầu của Bên A và Cơ Quan Có Thẩm Quyền.
- 7.9. Báo cáo thường xuyên cho Bên A về tình hình thực hiện Công Việc.
- 7.10. Chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong các trường hợp theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 7.11. Đối với các nghĩa vụ tài chính thuộc trách nhiệm Bên B phải thanh toán và/hoặc hoàn trả cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này (nếu có), Bên B phải thanh toán trong thời hạn Bên A yêu cầu và/hoặc Bên A được quyền khấu trừ trực tiếp vào giá trị thanh toán của Bên B và/hoặc Bên A yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán, tùy thuộc vào quyết định của Bên A. Nếu chậm thanh toán, Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 06 tháng đối với khách hàng cá nhân, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và số ngày chậm trả.
- 7.12. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Bất Khả Kháng là sự kiện không lường trước được, nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý và không do lỗi của Hai Bên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: động đất, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, cấm vận, nội chiến, sự thay đổi chính sách, Pháp Luật ... làm gián đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên và/hoặc Hai Bên theo Hợp Đồng cũng như việc thực hiện Hợp Đồng.
- 8.2. Việc chậm thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng do Bất Khả Kháng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu Bên bị ảnh hưởng của Bất Khả Kháng đã thực hiện:
 - a) Thông báo cho Bên kia về Bất Khả Kháng trong vòng 01 (một) ngày kể từ khi thông tin liên lạc được phục hồi. Thông báo phải đủ thông tin về Bất Khả Kháng, tác động của nó với việc thực hiện Hợp Đồng, dự kiến thời gian ảnh hưởng, phương án khắc phục.

- b) Áp dụng các biện pháp hợp lý để khắc phục, hạn chế tác động của Bất Khả Kháng đến việc thực hiện Hợp Đồng.
- 8.3. Ngay khi Bất Khả Kháng chấm dứt, Hai Bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng. Tuy nhiên nếu việc thực hiện Hợp Đồng bị gián đoạn do Bất Khả Kháng đến 15 (mười lăm) ngày, thì một trong Hai Bên đều có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu 03 (ba) ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt tại ngày chấm dứt được nêu tại thông báo đó.
- 8.4. Bất cứ nghĩa vụ nào phát sinh trước khi xuất hiện Bất Khả Kháng đều không được miễn trừ do sự xuất hiện của Bất Khả Kháng.

ĐIỀU 9. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 9.1. Trong trường hợp Bên B thực hiện bất kỳ hạng mục Công Việc nào không đúng theo yêu cầu, chất lượng, thời hạn quy định tại Hợp Đồng này, các Phụ Lục Hợp Đồng và/hoặc yêu cầu khác của Bên A mà không do Bất Khả Kháng và/hoặc không được Bên A chấp thuận, B sẽ bị phạt 01% (một phần trăm) giá trị hạng mục Công Việc xảy ra vi phạm cho mỗi lỗi vi phạm/mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 08% (tám phần trăm) giá trị của hạng mục Công Việc đó theo quy định tại Hợp Đồng.
- 9.2. Nếu Bên B đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ Hợp Đồng không thuộc các trường hợp được phép theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc không do Bất Khả Kháng và/hoặc không được Bên A chấp thuận Bên B sẽ phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt Hợp Đồng của Bên B, đồng thời Bên B bị phạt 08% (tám phần trăm) Giá trị Hợp Đồng và phải bồi thường thiệt hại cũng như hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền đã được Bên A tạm ứng, thanh toán (nếu có) trong thời hạn do Bên A yêu cầu.
- 9.3. Trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ thỏa thuận, nghĩa vụ nào được quy định tại Hợp Đồng này mà gây ra thiệt hại cho Bên kia, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 10.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký kết nêu tại phần đầu Hợp Đồng này.
- 10.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Hai Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp Đồng này. Trong trường hợp này Hợp Đồng sẽ tự động chấm dứt.
 - Khi Hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp này, Hai Bên hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhau theo văn bản thỏa thuận chấm dứt.
 - Trường hợp: (i) Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản của Hợp Đồng nhưng không chấm dứt việc vi phạm và/hoặc khắc phục hậu quả trong thời hạn Bên A yêu cầu, hoặc (ii) Bên B vi phạm Hợp Đồng với tổng mức phạt vi phạm bằng 8% Giá Trị Hợp Đồng, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B và Hợp Đồng sẽ chấm dứt kể từ ngày theo thông báo của Bên A.

- d) Trong trường hợp Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 8 của Hợp Đồng này.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.
- 10.3.** Hậu quả chấm dứt Hợp Đồng trong các trường hợp quy định tại Điều 10.2.c, Điều 10.2.d và Điều 10.2.e của Hợp Đồng.
- a) Bên B phải ngừng ngay việc thực hiện Công Việc và bàn giao cho Bên A toàn bộ các thông tin, tài liệu, hồ sơ, sản phẩm liên quan đến việc thực hiện Công Việc (đã được ký xác nhận và đóng dấu đầy đủ bởi Bên B, nếu cần thiết) tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng với số lượng do Bên A quy định. Hai Bên sẽ lập Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc đối với những hạng mục Công Việc mà Bên B đã hoàn thành. Bên A sẽ xác định phần Công Việc mà Bên B đã hoàn thành (các Công Việc đủ điều kiện và được nghiệm thu) để thanh toán cho Bên B sau khi đã trừ đi các khoản tiền quy định tại điểm b Điều khoản này.
Đối với hạng mục Công Việc được Bên B thực hiện sau khi đã có các sự kiện là căn cứ chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 10.2.c, 10.2.d và 10.2.e của Hợp Đồng, Bên A không có nghĩa vụ nghiệm thu và thanh toán cho Bên B.
 - b) Trong trường hợp Hợp Đồng chấm dứt do vi phạm của Bên B, Bên B có nghĩa vụ thanh toán/hoàn trả cho Bên A các khoản tiền sau: tiền Bên A đã tạm ứng, thanh toán cho Bên B, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B (nếu có). Bên B phải thanh toán trong thời hạn theo yêu cầu của Bên A.
 - c) Trong trường hợp Hợp Đồng chấm dứt không do vi phạm của Bên B, thì Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B đối với những hạng mục Công Việc đã được Bên A nghiệm thu, trong thời hạn theo yêu cầu của Bên B.

ĐIỀU 11. PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN

- 11.1.** Hai Bên cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho mỗi Bên hoặc được mỗi Bên chỉ định (sau đây gọi tắt là “**Người Của Bên A**” và “**Người Của Bên B**”) sẽ không có những hành vi hoặc hứa hẹn, đòi hỏi những hành vi giảm giá, trích thưởng, đưa tiền/tài sản hiện vật/lợi ích không minh bạch đối với bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại trong việc thực hiện Hợp Đồng (“**Gian Lận**”), nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký kết Hợp Đồng một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, và/hoặc đạt được các lợi ích không công bằng khác.
- 11.2.** Các hành vi Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.
- 11.3.** Trường hợp Bên A phát hiện bất kỳ bằng chứng, tài liệu nào thể hiện việc Người Của Bên B có hành vi Gian Lận, thì Bên A có toàn quyền nhưng không có nghĩa vụ chấm dứt Hợp

đồng này ngay lập tức sau khi gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên B và không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên A có quyền hưởng theo Hợp Đồng này hoặc pháp luật có liên quan. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm: (i) thanh toán cho Bên A một khoản tiền có giá trị bằng 10 (mười) lần số tiền Gian Lận do Bên A xác định, hoặc 30% (ba mươi phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng này; và (ii) bồi thường cho Bên A tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc Bên B vi phạm các nghĩa vụ đã đề cập ở trên và từ việc chấm dứt Hợp Đồng này, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Gian Lận của Bên B. Bên có hành vi Gian Lận sẽ miễn trừ cho Bên còn lại mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Gian Lận của Bên có hành vi Gian Lận vi phạm pháp luật Việt Nam.

- 11.4. Việc một Bên thanh toán cho Bên còn lại các khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện/không thực hiện các quy định tại Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức một khoản thanh toán riêng biệt so với các khoản thanh toán khác giữa hai Bên theo Hợp đồng này, và/hoặc dưới hình thức đối trừ công nợ giữa hai Bên phát sinh từ Hợp đồng này, và/hoặc kết hợp cả 02 hình thức nói trên, tùy theo quyết định, thông báo bằng văn bản của Bên A.

ĐIỀU 12. BẢN QUYỀN VÀ QUYỀN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

- 12.1. Bên B sẽ lưu giữ tất cả các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Sản Phẩm, Công Việc được thực hiện bởi Bên B. Bên A được yêu cầu Bên B cung cấp và toàn quyền sử dụng các hồ sơ, tài liệu này để phục vụ Công Việc mà không cần phải xin phép Bên B.
- 12.2. Bên B phải cam kết rằng các hồ sơ, tài liệu, Sản Phẩm mà Bên B lập và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ Bên Thứ Ba nào khác.
- 12.3. Bên A có quyền tài sản đối với Sản Phẩm theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật. Theo đó, Bên A có toàn quyền sửa đổi, bổ sung, thuê Bên Thứ Ba sửa đổi, bổ sung các tài liệu, hồ sơ do Bên B cung cấp.
- 12.4. Để tránh nhầm lẫn, ngoài các quyền được liệt kê ở trên, Bên A còn có các quyền khác theo quy định của Pháp Luật đối với Sản Phẩm được thực hiện bởi Bên B.

ĐIỀU 13. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BẰNG CHỮ KÝ SỐ

Không áp dụng

ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 14.1. Mọi tranh chấp đều phải được Hai Bên cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết trên tinh thần thiện chí và xây dựng nhằm bảo đảm quyền lợi của cả Hai Bên.
- 14.2. Trường hợp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, Hai Bên không đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp thì một trong Hai Bên có quyền đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp Luật. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc Hai Bên phải tuân theo. Chi phí giải quyết tranh chấp thông qua tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu.
- 14.3. Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải

quyết tranh chấp.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 15.1.** Hợp Đồng này được giải thích theo các quy định và chịu sự điều chỉnh bởi Pháp Luật Việt Nam.
- 15.2.** Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng này phải được Hai Bên thỏa thuận và xác lập bằng văn bản. Văn bản về việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
- 15.3.** Mọi thông báo hoặc giao dịch được yêu cầu hoặc được phép theo Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản và được coi là đã được gửi khi được giao trực tiếp hoặc sau khi được gửi bằng thư bảo đảm hoặc có thư xác nhận gửi tới địa chỉ tương ứng nêu ở phần đầu của Hợp Đồng này. Bất kỳ Bên nào có thể thay đổi địa chỉ nhận thư bằng cách gửi văn bản thông báo về sự thay đổi đó cho Bên kia trong vòng 03 (ba) ngày trước khi có sự thay đổi. Nếu Bên thay đổi thông tin liên lạc mà không thông báo cho Bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi thông tin mà không thông báo, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.
- 15.4.** Khi một Bên không yêu cầu Bên kia thực hiện một nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng này tại bất kỳ thời điểm nào, việc đó vẫn không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đó vào bất kỳ thời điểm nào sau này. Việc một Bên miễn cho Bên kia việc khắc phục sửa chữa, một vi phạm đối với bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này không được coi là sự miễn trách nhiệm khắc phục một vi phạm tương tự hay khác xảy ra sau đó.
- 15.5.** Bất kỳ phần, khoản hay điều khoản nào của Hợp đồng này mà bị coi bất hợp pháp, vô hiệu lực hay vô giá trị hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam, thì sẽ không làm mất hiệu lực và giá trị của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này và các Bên sẽ thảo luận, thỏa thuận và thay thế điều khoản vô hiệu đó bằng một điều khoản có hiệu lực và phù hợp với Pháp Luật để quyền và lợi ích của các Bên theo Hợp Đồng này được đảm bảo.
- 15.6.** Hợp Đồng này được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Nam Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Thịnh

PHỤ LỤC SỐ 01: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Đính kèm theo HĐDV Số: 45...../2022/HĐDV/TNHTN-HPT)

STT	Hạng mục	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Lập Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	181.910.000	
	Giá trị sau thuế	181.910.000	

Bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng chẵn./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Nam Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Thịnh

BẢNG 01. BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
I	THU THẬP SỐ LIỆU, KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG					
1	Thu thập số liệu, khảo sát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội					
1.1	Thu thập, khảo sát, cập nhật số liệu về địa hình, địa mạo, địa chất công trình khu vực dự án (1 người × 2 ngày)	ngày công	2	203.846	407.692	
1.2	Thu nhập, khảo sát, cập nhật số liệu về đặc điểm thủy văn, tình trạng lũ lụt, ngập úng, các tai biến môi trường khu vực triển khai dự án (1 người × 2 ngày)	ngày công	2	203.847	407.694	
1.3	Thu nhập, điều tra, thu thập số liệu về hệ sinh thái trong khu vực, hệ động thực vật tại các địa phương khu vực dự án (1 người × 2 ngày)	ngày công	2	203.848	407.696	
1.4	Thu nhập, điều tra, thu thập số liệu về điều kiện khí hậu tại dự án (1 người × 2 ngày)	ngày công	2	203.849	407.698	
1.5	Chi phí đi lại	lượt	1	5.000.000	5.000.000	
1.6	Phụ cấp công tác	ngày	8	200.000	1.600.000	
	Cộng 1				8.230.780	
2	Khảo sát hiện trạng, đo, lấy mẫu các thành phần môi trường khu vực dự án					
2.1	Nhân công đo mẫu không khí, tiếng ồn (2 người x 1 ngày)	ngày công	2	203.849	407.698	
2.2	Nhân công lấy mẫu đất, nước ngầm, nước thải và nước mặt (2 người x 1 đợt)	ngày công	2	203.849	407.698	
2.3	Phụ cấp công tác	ngày	4	200.000	800.000	
2.4	Chất lượng không khí: 03 điểm x 3 lần = 9 điểm					
2.4.1	Vi khí hậu (4 thông số: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, hướng gió)	mẫu	9	159.080	1.431.720	
2.4.2	Bụi	mẫu	9	231.334	2.082.006	
2.4.3	CO	mẫu	9	549.973	4.949.757	
2.4.4	SO ₂	mẫu	9	686.589	0	
2.4.5	NO ₂	mẫu	9	413.383	3.720.447	
2.5	Tiếng ồn (Đo đặc tại 03 vị trí trong 01 đợt x 3 đợt = 9 điểm)					
2.5.1	Laep (Mức ồn tương đương)	mẫu	9	96.258	866.322	
2.5.2	La _{max}	mẫu	9	96.258	866.322	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
2.6	Chất lượng môi trường nước mặt: Số lượng mẫu: 01 mẫu x 3 lần = 3 điểm					
2.6.1	pH	mẫu	3	46.110	138.330	
2.6.2	TSS	mẫu	3	134.007	402.021	
2.6.3	BOD	mẫu	3	184.345	553.035	
2.6.4	COD	mẫu	3	215.498	646.494	
2.6.5	NH ₄ ⁺	mẫu	3	220.847	662.541	
2.6.6	NO ₂ ⁻	mẫu	3	348.083	1.044.249	
2.6.7	NO ₃ ⁻	mẫu	3	305.762	917.286	
2.6.8	Tổng N	mẫu	3	290.223	870.669	
2.6.9	Tổng P	mẫu	3	302.504	907.512	
2.6.10	SO ₄ ²⁻	mẫu	3	247.858	743.574	
2.6.11	F ⁻	mẫu	3	283.858	851.574	
2.6.12	Cl ⁻	mẫu	3	218.408	655.224	
2.6.13	Pb	mẫu	3	443.722	1.331.166	
2.6.14	Cd	mẫu	3	443.722	1.331.166	
2.6.15	As	mẫu	3	398.228	1.194.684	
2.6.16	Fe	mẫu	3	300.830	902.490	
2.6.17	Cu	mẫu	3	285.579	856.737	
2.6.18	Zn	mẫu	3	285.579	856.737	
2.6.17	Mn	mẫu	3	285.579	856.737	
2.6.18	Coliform	mẫu	3	733.825	2.201.475	
2.7	Chất lượng môi trường nước ngầm: Số lượng mẫu: 01 mẫu x 3 lần = 3 điểm					
2.7.1	pH	mẫu	3	51.918	155.754	
2.7.2	DO	mẫu	3	324.089	972.267	
2.7.3	Độ đục	mẫu	3	59.352	178.056	
2.7.4	Chất rắn lơ lửng	mẫu	3	171.376	514.128	
2.7.5	Độ cứng theo CaCO ₃	mẫu	3	224.203	672.609	
2.7.6	NH ₄ ⁺	mẫu	3	229.370	688.110	
2.7.7	NO ₂ ⁻	mẫu	3	357.954	1.073.862	
2.7.8	NO ₃ ⁻	mẫu	3	313.598	940.794	
2.7.9	SO ₄ ²⁻	mẫu	3	219.952	659.856	
2.7.10	PO ₄ ³⁻	mẫu	3	229.938	689.814	
2.7.11	F ⁻	mẫu	3	282.216	846.648	
2.7.12	Cl ⁻	mẫu	3	233.125	699.375	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
2.7.13	Pb	mẫu	3	468.486	1.405.458	
2.7.14	Cd	mẫu	3	468.486	1.405.458	
2.7.15	As	mẫu	3	468.090	1.404.270	
2.7.16	Fe	mẫu	3	360.913	1.082.739	
2.7.17	Cu	mẫu	3	360.913	1.082.739	
2.7.18	Mn	mẫu	3	360.913	1.082.739	
2.7.19	E-Coli	mẫu	3	770.888	2.312.664	
2.7.20	Coliform	mẫu	3	770.888	2.312.664	
3	Chi phí đi lại			5.000.000	5.000.000	
4	Cộng I (1+2+3)				58.635.675	
II	LẬP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CẤP GIẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG					
Chương I: Thông tin chung về Dự án đầu tư						
1.1	Nhiệm vụ 1: Thông tin chung về dự án đầu tư.	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
Chương II: Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, kế hoạch, khả năng chịu tải môi trường						
1.2	Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.3	Nhiệm vụ 3: Nghiên cứu sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải môi trường	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
Chương III: Đánh giá hiện trạng môi trường						
1.4	Nhiệm vụ 4: Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.5	Nhiệm vụ 5: Đánh giá hiện trạng, mô tả nguồn tiếp nhận nước thải từ dự án	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.6	Nhiệm vụ 6: Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường vi khí hậu, không khí	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.7	Nhiệm vụ 7: Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khác tại dự án	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
Chương IV: Dự báo, đánh giá các tác động môi trường của dự án đầu tư và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường						
1.8	Nhiệm vụ 8: Nghiên cứu, đánh giá các tác động đến môi trường không khí trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
1.9	Nhiệm vụ 9: Nghiên cứu, đánh giá các tác động đến môi trường nước trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.10	Nhiệm vụ 10: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do rác thải, phế thải xây dựng trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.11	Nhiệm vụ 11: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.12	Nhiệm vụ 12: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do tiếng ồn, rung động trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.13	Nhiệm vụ 13: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do các tác động khác trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.14	Nhiệm vụ 14: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do sự cố, rủi ro trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.15	Nhiệm vụ 15: Nghiên cứu, đánh giá các tác động đến môi trường không khí trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.16	Nhiệm vụ 16: Nghiên cứu, đánh giá các tác động đến môi trường nước trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.17	Nhiệm vụ 17: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do rác thải, phế thải xây dựng trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.18	Nhiệm vụ 18: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do chất thải nguy hại trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.19	Nhiệm vụ 19: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do tiếng ồn, rung động trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.20	Nhiệm vụ 20: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do các tác động khác trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.21	Nhiệm vụ 21: Nghiên cứu, đánh giá các tác động do sự cố, rủi ro trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.22	Nhiệm vụ 22: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
1.23	Nhiệm vụ 23: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường nước trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.24	Nhiệm vụ 24: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do rác thải, phế thải xây dựng trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.25	Nhiệm vụ 25: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.26	Nhiệm vụ 26: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, rung động trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.27	Nhiệm vụ 27: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do các tác động khác trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.28	Nhiệm vụ 28: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố, rủi ro trong quá trình thi công xây dựng	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.29	Nhiệm vụ 29: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.30	Nhiệm vụ 30: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường nước trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.31	Nhiệm vụ 31: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do rác thải, phế thải xây dựng trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.32	Nhiệm vụ 32: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.33	Nhiệm vụ 33: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, rung động trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
1.34	Nhiệm vụ 34: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do các tác động khác trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.35	Nhiệm vụ 35: Nghiên cứu, xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố, rủi ro trong quá trình vận hành	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.36	Nhiệm vụ 36: Nghiên cứu, tổ chức các công trình bảo vệ môi trường	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.37	Nhiệm vụ 37: Nghiên cứu về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá, dự báo	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
Chương V: Nội dung đề nghị cấp Giấy phép môi trường						
1.38	Nhiệm vụ 38: Nghiên cứu nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.39	Nhiệm vụ 39: Nghiên cứu nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.40	Nhiệm vụ 40: Nghiên cứu nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
1.41	Nhiệm vụ 41: Nghiên cứu nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với rác thải	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
Chương VI: Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường của dự án						
1.42	Nhiệm vụ 42: Xây dựng chương trình vận hành thử nghiệm và giám sát môi trường	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	
Kết luận, kiến nghị và cam kết của chủ đầu tư						
1.43	Nhiệm vụ 48: Nghiên cứu các kết luận, cam kết và kiến nghị	Nhiệm vụ	1	1.000.000	1.000.000	
Tổng hợp các chuyên đề thành báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường tổng hợp						
1.45	Chuyên đề tổng hợp	Nhiệm vụ	1	5.000.000	5.000.000	
Cộng II					90.000.000	
III CÁC CHI PHÍ KHÁC						
1	Chi phí thẩm định hồ sơ (Chi phí đọc tài liệu, họp thẩm định)	người	9	1.000.000	9.000.000	
2	Chi phí chuẩn bị tài liệu, hồ sơ và các chi phí văn phòng phẩm khác	<i>Trọn khoản</i>			800.000	

CÁC CHI PHÍ KHÁC

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	K.lg	Đơn vị	Tổng	Ghi chú
3	Chi phí đi lại phục vụ thẩm định và ra quyết định phê duyệt	chuyên	2	5.000.000	10.000.000	
	Cộng III				19.800.000	
IV	Cộng I+II+III				168.435.675	
V	Thuế VAT	8%			13.474.854	
VI	TỔNG CỘNG				181.910.529	
					181.910.000	
Bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn						

PHỤ LỤC 02: TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN

(Đính kèm theo HDDV Số: 45/2022/HDDV/TNHTN-HPT)

STT	Nội dung	Giá trị Hợp đồng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)	Tỷ lệ thanh, quyết toán	Giá trị thanh toán chưa khấu trừ tạm ứng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)	Khấu trừ tạm ứng	Giá trị thanh, quyết toán đã khấu trừ tạm ứng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)	Đợt thanh toán
I	Giá trị Hợp Đồng	181.910.000	100% Giá trị thanh toán				
I	Tạm ứng			-		-	
II	Giai đoạn: Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	181.910.000		181.910.000	-	181.910.000	
1	Sau khi Bên B hoàn thiện đủ Hồ sơ và có quyết định phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.		100% Giá trị hợp đồng Giai đoạn này (Đã bao gồm VAT, giá trị đã tạm ứng, giá trị đã thanh toán)	181.910.000	-	181.910.000	Quyết toán
	Tổng giá trị (đã bao gồm VAT)	181.910.000		181.910.000	-	181.910.000	

PHỤ LỤC SỐ 03:
DANH MỤC HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

(Đính kèm theo Hợp đồng Số: ⁴⁵.../2022/HĐDV/TNHTN-HPT)

I. Hồ sơ quyết toán:

- | | | |
|---|---|-----------|
| 1. Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B | : | 06 bộ gốc |
| 2. Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán quyết toán của Bên B | : | 06 bộ gốc |
| 3. Bảng xác định giá trị quyết toán của Bên B | : | 06 bộ gốc |
| 4. Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ Dịch Vụ và các nghĩa vụ theo Hợp Đồng | : | 06 bộ gốc |
| 5. Giấy phép môi trường của Dự Án được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt | : | 06 bộ sao |
| 6. Biên bản thanh lý Hợp đồng | : | 06 bộ gốc |
| 7. Hóa đơn tài chính hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính | : | 01 bộ gốc |
| 8. Số hóa sản phẩm tư vấn, các hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng (file scan đuôi *.pdf) và ghi vào đĩa CD | : | 01 đĩa CD |